TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do -Hạnh phúc

Bản án số: 66/2023/DS - ST
Ngày 30/9/2023
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hội;
2. Bà Huỳnh Thị Mỹ Lễ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Ngân, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Phương Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2023/TLST - DS ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 998/2023/QĐXXST – DS, ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1076/2023/QĐST – DS, ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Xuân Diễm T, sinh năm 1965; địa chỉ: 28 Lê Thị Hồng G, tổ dân phố 2, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà T ủy quyền cho ông Huỳnh Ngọc Ấ, sinh năm 1975; Luật sư Văn phòng Luật sư Quốc Â, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi (theo hợp đồng ủy quyền ngày 06/9/2023); địa chỉ: 943 Quang Trung, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Thu L, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường N thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Huỳnh Ngọc Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn bà Lê Thị Thu L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/6/2023;các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Trần Xuân Diễm T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 20/8/2020 bà Lê Thị Thu L ở Tổ dân phố 5, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi có vay của bà T số tiền: 135.000.000đ (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng) để làm ăn, mua bán quần áo tại chợ Đ. Khi vay tiền giữa bà T với bà L có thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng và khi nào bà T cần tiền thì bà L phải hoàn trả đủ tiền cho bà. Sau khi vay tiền của bà thì bà L không trả được cho bà đồng tiền lãi nào. Khi cần tiền, bà T yêu cầu bà L trả nợ nhưng bà L không trả. Mặc dù, khi bà L vay tiền, ông Đ (chồng bà L) không trực tiếp nhận tiền và ký vào giấy vay tiền nhưng khoản tiền này bà L vay của bà là để mua bán quần áo tại chợ Đ nhằm mục đích phục vụ lợi ích chung của gia đình. Do đó, bà T yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Đ giải quyết: Buộc bà Lê Thị Thu L và chồng là ông Huỳnh Ngọc Đ phải trả cho bà số tiền nợ gốc là: 135.000.000đ và tiền lãi đối với số tiền nợ gốc trên tính từ ngày 20/8/2020 đến ngày 20/5/2023 là: 66.825.000đ = (135.000.000đ x 1,5% x 33 tháng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 29/9/2023 nguyên đơn là bà Trần Xuân Diễm T đã có đơn xin rút phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 66.825.000đ.

Bị đơn bà Lê Thị Thu L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các các văn bản tố tụng khác cho bị đơn bà Lê Thị Thu L nhưng bà L không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án; không tham gia các buổi làm việc, phiên họp, phiên tòa theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Ngọc Đ trình bày: Cách đây khoảng 03 năm, bà T có tìm ông và yêu cầu ông trả nợ cho bà số tiền bà L đã vay; lúc đó, ông hỏi bà T "Tại sao lúc cho bà L vay không hỏi ý kiến của ông mà giờ lại đến đòi ông trả", ông không biết việc bà L vay tiền của bà T, bà L nợ bà T thì bà T có trách nhiệm đi đòi bà L chứ ông không liên quan gì.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy định của pháp luật; riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện không đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Xuân Diễm T; buộc bà Lê Thị Thu L phải trả cho bà T số tiền nợ gốc 135.000.000đ; ông Đ không có nghĩa vụ cùng bà L trả khoản nợ trên;

đình chỉ giải quyết về phần tiền lãi. Ngoài ra, đương sự còn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Khi xác lập Hợp đồng vay tài sản thì bà Lê Thị Thu L, cư trú tại: Tổ dân phố 5, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Hiện nay bà Lê Thị Thu L có nơi cư trú tại: Tổ dân phố 5, phường N thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Đ thụ lý vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo yêu cầu khởi kiện của bà Trần Xuân Diễm T là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các các văn bản tố tụng khác cho bị đơn là bà Lê Thị Thu L theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà L không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải chịu hậu quả theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Lê Thị Thu L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; nguyên đơn bà Trần Xuân Diễm T vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản nợ gốc: Căn cứ giấy vay tiền lập ngày 20/8/2020 do bà Trần Xuân Diễm T cung cấp có cơ sơ xác định, giữa bà T và bà L có xác lập hợp đồng vay tài sản, đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, không quy định lãi theo quy định tại Điều 463, 469 Bộ luật dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà L không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền cho bà T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Xét thấy, khi tham gia giao dịch các bên đều có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Do đó, Giấy vay tiền đề ngày 20/8/2020 có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập. Theo đó, bà L phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền nợ gốc là 135.000.000đồng.

- Việc bà T yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Ngọc Đ (chồng bà L) có trách nhiệm liên đới cùng bà L trả nợ. HĐXX, xét thấy trong Giấy vay tiền không có chữ ký của ông Đ; bà T cho rằng bà L vay tiền là để buôn bán quần áo, phục vụ

kinh tế gia đình nhưng đều này không thể hiện trong giấy vay tiền; bà T lại không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc này. Ông Đ không biết gì về việc bà T cho bà L vay tiền nên ông không đồng ý cùng bà L trả khoản nợ đó cho bà T. Do đó, HĐXX không có căn cứ chấp nhận đối với yêu cầu này của bà T.

[2.2] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền lãi:

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà Trần Xuân Diễm T có yêu cầu bà L phải trả cho bà tiền lãi số tiền 66.825.000đ; ngày 29/9/2023 nguyên đơn là bà T đã có đơn xin rút phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 66.825.000đ; tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng thống nhất việc rút yêu cầu trên của nguyên đơn bà Trần Xuân Diễm T; việc rút phần yêu cầu đối với số tiền lãi của nguyên đơn là tự nguyện; căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi 66.825.000đ.

[2.3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Xuân Diễm T được Tòa án chấp nhận nên bà Lê Thị Thu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản mà bà L phải trả cho bà T là: 135.000.000đ x 5% = 6.750.000đ. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 177, 227, 228, 235, 244, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 401, 463, 466 và 469 Bộ luật dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Xuân Diễm T. Buộc bà Lê Thị Thu L có nghĩa vụ trả cho bà Trần Xuân Diễm T số tiền nợ gốc 135.000.000đ *(Một trăm ba mươi lăm triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Thu L phải trả cho nguyên đơn bà Trần Xuân Diễm T số tiền lãi 66.825.000đ *(Sáu mươi sáu triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*

3. Về án phí: Bà Lê Thị Thu L phải chịu 6.750.000đ *(Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trần Xuân Diễm T 5.045.000đ *(Năm triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006362 ngày 04/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (30/9/2023); bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đ;
- Chi Cục THADS thị xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Vân

Các thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**